**PHẦN I:**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA LĨNH VỰC LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

*(Kèm theo Quyết định số 2227 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên TTHC** | **Thời hạn giải quyết** | **Địa điểm thực hiện** | **Căn cứ pháp lý** |
| **I** | **Lĩnh vực Người có công (2 thủ tục)** | | | |
| **1.** | Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ | 01 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã | - Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16/7/2012; - Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ;  - Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 3/6/2014. |
| **2.** | Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi | 01 ngày làm việc |
| **II** | **Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em (6 thủ tục)** | | | |
| **1.** | Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em | Trong vòng 12 giờ từ khi nhận thông tin trẻ em được xác định có nguy cơ hoặc đang bị tổn hại nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, Chủ tịch UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em. | - Các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân thông báo ngay (gặp trực tiếp hoặc qua điện thoại) cho nơi tiếp nhận thông tin về hành vi xâm hại trẻ em hoặc trẻ em có nguy cơ bị xâm hại.  - Cơ quan Lao động - TB và XH các cấp, cơ quan công an các cấp, UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trực tiếp thực hiện, áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em. | - Luật trẻ em năm 2016;  - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ. |
| **2.** | Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em | 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận quyết định giao trẻ em cho cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã | - Luật trẻ em năm 2016;  - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ. |
| **3.** | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt | 07 ngày làm việc | - Các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân thông báo ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại) cho nơi tiếp nhận thông tin về hành vi xâm hại trẻ em hoặc trẻ em có nguy cơ bị xâm hại.  - Cơ quan Lao động - TB và XH các cấp, cơ quan công an các cấp, UBND cấp xã, người làm công tác bảo vệ trẻ em cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân công trong kế hoạch thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp. |
| **4.** | Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em | 15 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã | - Luật trẻ em năm 2016;  - Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ. |
| **5.** | Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em | 15 ngày làm việc |
| **6.** | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế | 25 ngày làm việc |
| **III** | **Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (8 thủ tục)** | | | |
| **1.** | Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật | 35 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã | - Luật người khuyết tật ngày 17 tháng 6 năm 2010;  - Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ;  - Thông tư liên tịch số 37/2012/TTLT-BLĐTBXH-BYT-BTC-BGDĐT của Liên Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội, Bộ Y tế, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo. |
| **2.** | Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật | 05 ngày làm việc |
| **3.** | Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở | Không quy định | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã | - Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ;  - Thông tư liên tịch số 29/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính. |
| **4.** | Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng | 05 ngày làm việc |
| **5.** | Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế | 10 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã | - Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;  - Thông tư số 02/2016/TT-BLĐTBXH ngày 25/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn quy trình xác định hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020. |
| **6.** | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm | 07 ngày làm việc | - Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020;  - Thông tư số 17/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 của Bộ Lao động - TB và XH hướng dẫn quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020. |
| **7.** | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm | 07 ngày làm việc |
| **8.** | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn. | 10 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã | - Nghị định số 103/2017/NĐ-CP ngày 12/9/2017 của Chính phủ. |
| **IV** | **Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (5 thủ tục)** | | | |
| **1.** | Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình | 03 ngày làm việc | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã | - Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ;  - Quyết định số 47/2015/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2015 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế Ban hành Quy chế phối hợp lập hồ sơ và tổ chức cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. |
| **2.** | Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng | 03 ngày làm việc |
| **3.** | Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng | 03 ngày làm việc |
| **4.** | Hoãn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng | 05 ngày làm việc | - Nghị định 94/2010/NĐ-CP ngày 09/9/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình, cai nghiện ma túy tại cộng đồng. |
| **5.** | Miễn chấp hành quyết định cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng | 05 ngày làm việc |